

CÁC NỀN KINH TẾ MỚI NỔI GIẢI CỨU KINH TẾ THẾ GIỚI TRƯỚC KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH TOÀN CẦU

*Trần Thị Lan Hương**

Khác với những cuộc khủng hoảng tài chính đã từng xảy ra như khủng hoảng nợ ở Mỹ Latinh thập kỷ 1980, khủng hoảng tiền tệ ở Nga và khủng hoảng tài chính châu Á cuối những năm 1990, trong cuộc khủng hoảng tài chính thế giới lần này năm 2008 các nền kinh tế mới nổi ít bị tác động và có sự cân bằng tốt hơn. Trong khi các quốc gia hàng đầu thế giới như Mỹ, EU đang phải đối mặt với những khó khăn từ khủng hoảng tài chính toàn cầu, thì các nền kinh tế mới nổi có khả năng phục hồi nhanh hơn. Với lượng tiền mặt dự trữ khổng lồ và ít chịu tác động từ thị trường cầm cố tài sản Mỹ, các nền kinh tế mới nổi như Trung Quốc, Ấn Độ, Nga... đã hạn chế được những tác động tiêu cực từ khủng hoảng, đồng thời trở thành những người “cho vay” đối với nhiều nước đang bị khủng hoảng. Các nước này đang dần dần thay thế các nước phát triển trong

việc giải quyết các vấn đề của nền kinh tế thế giới. Thủ tướng Anh Gordon Brown cho rằng “một hệ thống mới của hợp tác kinh tế quốc tế đã bắt đầu, không chỉ gồm các nước phát triển mà có cả các thị trường mới nổi phát triển nhanh như Trung Quốc, Ấn Độ, Brazil, để trở thành tổ chức kinh tế chính quản lý kinh tế toàn thế giới”¹.

1. Sức mạnh của các nền kinh tế mới nổi

Trong 10 năm trở lại đây, các nền kinh tế mới nổi ngày càng trở nên có sức mạnh cạnh tranh hơn so với các nước công nghiệp phát triển trên thế giới. Trong bảng xếp hạng năm 2006 của Viện Nghiên cứu kinh tế IMD Thụy Sĩ, các nền kinh tế mới nổi, đặc biệt là các nền kinh tế châu Á, đang nhanh chóng thu hẹp khoảng cách về sức cạnh tranh so với Mỹ và dần dần vượt qua các nước công nghiệp có trình độ phát triển cao ở châu Âu.

Đặc biệt nhất là vai trò của một số nước đang phát triển có dân số lớn, diện tích rộng,

* Thạc sĩ, Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông

tiềm lực quân sự mạnh như Trung Quốc, Ấn Độ, Brazil, Nga. Bốn nước lớn này thuộc nhóm BRIC, chiếm tới 26% diện tích, 43,4% dân số, 22,4% GDP toàn cầu vào năm 2008, 33% dự trữ ngoại tệ và 13,7% khối lượng giao dịch thương mại thế giới (xem bảng 1). Tổng giá trị trao đổi thương mại toàn cầu của BRIC năm 2008 là 60.700 tỷ USD. Trong giai đoạn 1999-2008, Brazil có tỷ lệ

tăng trưởng GDP là 3,8%, Nga và Ấn Độ là 7% và Trung Quốc là 9,75%. Xét về tầm quan trọng của thị trường nội địa, chiếm 43,4% dân số toàn cầu cũng như sự năng động trong việc lựa chọn chiến lược phát triển kinh tế, bốn nền kinh tế trên đóng vai trò quan trọng trong việc đưa kinh tế thế giới thoát ra khỏi khủng hoảng.

Bảng 1: Sức mạnh của nhóm BRIC trong nền kinh tế thế giới (% trong tổng số nhóm nước đang phát triển và thế giới)

Nước	GDP		Kim ngạch xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ		Dân số	
	đang phát triển	thế giới	đang phát triển	thế giới	đang phát triển	thế giới
Nga	7,4	3,3	7,6	2,7	2,6	2,2
Trung Quốc	25,5	11,4	24,1	8,4	23,8	20,2
Ấn Độ	10,7	4,8	3,9	1,4	21,4	18,1
Brazil	6,4	2,9	3,3	1,2	3,4	2,9
BRIC	53,0	22,4	38,9	13,7	51,2	43,4
Các nền kinh tế mới nổi và ĐPT	100,0	44,7	100,0	34,9	100,0	84,7

Nguồn: *World Economic Outlook, IMF 4/2009, trang 183.*

Ngoài 4 nước kể trên, các nền kinh tế mới nổi khác cũng có khả năng giải cứu nền kinh tế thế giới nhờ thị trường tiêu thụ rộng lớn và những tiềm năng vốn có. Dân số đông và dung lượng thị trường lớn chính là điểm hấp dẫn nhất của các nền kinh tế mới nổi. Đến năm 2008, nếu dân số các nước phát triển chỉ có khoảng 960 triệu người thì dân số các nước đang phát triển và mới nổi là khoảng 5,721 tỷ người. Ngay cả những người có thu nhập thấp vẫn có khả năng mua hàng hoá có giá trị cao, chẳng hạn như sự gia tăng số lượng thuê bao điện thoại di động từ 36 triệu năm 2003 lên 224 triệu năm 2008 của người dân châu Phi cận Sahara – khu vực được đánh giá là nghèo khó nhất thế giới. Thu

nhập của các hộ gia đình các nước đang phát triển và mới nổi đang có xu hướng tăng lên. Số lượng các hộ gia đình có thu nhập khoảng 5000 USD/năm ở các nước đang phát triển tăng gấp đôi từ 217 triệu hộ năm 2003 lên 500 triệu hộ năm 2008. Hơn nữa, dân số của các nước đang phát triển trẻ hơn nhiều so với các nước phát triển. Năm 2008, có 46,8% dân số các nước đang phát triển có độ tuổi dưới 24. Trong khi đó ở các nước phát triển chỉ có 29,7%. Dân số trẻ khiến khả năng tiêu thụ hàng hoá ở các nước đang phát triển và mới nổi có xu hướng cao hơn các nước phát triển. Đây là cơ hội đối với các doanh nghiệp của các nước đang bị khủng hoảng muốn xuất khẩu hàng hoá vào các thị trường mới

nổi nhằm tránh những tác động không tốt của khủng hoảng kinh tế thế giới. Những số liệu trên đây chứng tỏ các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển đang có những đóng góp và ảnh hưởng ngày càng tăng đối với nền kinh tế thế giới trong nhiều lĩnh vực như tăng trưởng kinh tế, giá cả hàng hoá, dự trữ ngoại tệ thế giới, phân chia thu nhập và lợi nhuận kinh doanh... Nếu như năm 1970, xuất khẩu của các nước đang phát triển và mới nổi chỉ chiếm 20% tổng kim ngạch xuất khẩu của thế giới, thì năm 2008 con số này là 34,9%. Năm 2008, các nước đang phát triển và mới nổi chiếm tới 44,7% GDP toàn cầu, trong đó Ấn Độ và Trung Quốc đóng góp tới 1/4 mức tăng GDP của các nền kinh tế mới nổi². Các nước đang phát triển và mới nổi cũng tiêu thụ tới 50% năng lượng toàn cầu và chiếm đến 4/5 mức tăng nhu cầu dầu lửa trong 5 năm qua, đặc biệt là từ phía Trung Quốc. Nhóm nước này cũng đang giữ tới 70% lượng dự trữ ngoại tệ của thế giới, đứng đầu là Trung Quốc. Khủng hoảng tài chính thế giới khiến hàng loạt nước trên thế giới bị ảnh hưởng nặng nề, tuy nhiên các nền kinh tế mới nổi vẫn tỏ ra ít bị tác động hơn và nhờ sức trẻ của mình các nền kinh tế này đang được coi là động lực giúp kinh tế toàn cầu hồi phục.

Sự phát triển nhanh, mạnh của các nền kinh tế mới nổi những năm gần đây cũng khiến các nền kinh tế này không còn là sân sau của các nước phát triển. Một số nền kinh tế mới nổi đã và đang góp phần tạo ra những cú hích lớn cho nền kinh tế thế giới sau khủng hoảng, đặc biệt là các nước Đông Á, Nga và một số nước Mỹ Latinh. Các nước này đã từng phải trải qua những cuộc khủng

hoảng nghiêm trọng, chẳng hạn như khủng hoảng nợ của các nước Mỹ Latinh cuối thập kỷ 1980, khủng hoảng tài chính tiền tệ châu Á năm 1997-1998, khủng hoảng nợ ở Nga cuối thập kỷ 1990, vì vậy đã có kinh nghiệm khắc phục khủng hoảng. Trong cuộc khủng hoảng tài chính thế giới lần này, hàng loạt các thể chế toàn cầu như IMF, WB đều tỏ ra bất lực và không đủ khả năng giúp đỡ các nước bị khủng hoảng hồi phục. Bên cạnh đó, các nước giàu như Mỹ, Nhật Bản, EU không thể gượng dậy sau khủng hoảng bởi khủng hoảng tài chính lần này xuất phát chủ yếu từ chính sách phát triển yếu kém của các nước công nghiệp phát triển, cụ thể là Mỹ, sau đó lây lan sang các nước công nghiệp khác, khiến các nền kinh tế phát triển rơi vào suy thoái. Từ những nguyên nhân sâu xa của cuộc khủng hoảng, có thể thấy các nước công nghiệp phát triển muốn thoát khỏi khủng hoảng chỉ có thể dựa vào các nền kinh tế mới nổi - những nước đã có kinh nghiệm trải qua các cuộc khủng hoảng tương tự đồng thời là người quyết định mức tăng GDP toàn cầu trong năm 2009 và vài năm tiếp theo.

2. Các nền kinh tế mới nổi giải cứu nền kinh tế thế giới thoát khỏi khủng hoảng

a. Giải cứu kinh tế thế giới nhờ những nỗ lực thoát khỏi khủng hoảng kinh tế trong nước

Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu tác động mạnh đến các nền kinh tế mới nổi trong hai năm 2008 và 2009. Tuy nhiên, so với các nền kinh tế phát triển, thì các nền kinh tế mới nổi có khả năng phục hồi nhanh

hơn, từ đó thúc đẩy kinh tế toàn cầu tăng trưởng trở lại. Trong quá trình giải cứu nền kinh tế thế giới thoát khỏi khủng hoảng, vai trò của BRIC và một số nền kinh tế mới nổi châu Á đặc biệt quan trọng, cụ thể là ở các khía cạnh sau:

Thứ nhất, tốc độ tăng trưởng kinh tế của các nền kinh tế mới nổi đã phục hồi nhanh chóng sau khủng hoảng, bù đắp một phần tốc độ tăng trưởng kinh tế âm của hầu hết các

nước công nghiệp phát triển, từ đó kéo kinh tế thế giới phục hồi.

Không giống như các nước châu Âu, các nền kinh tế mới nổi không phụ thuộc nặng nề vào thị trường bất động sản của Mỹ, vì vậy khi khủng hoảng xảy ra bắt nguồn từ Mỹ, các nền kinh tế mới nổi vẫn đủ thời gian để chống chọi. Tuy có bị tác động nặng nề từ khủng hoảng, nhưng khả năng hồi phục của các nền kinh tế mới nổi nhanh hơn (bảng 2).

Bảng 2: Tốc độ tăng trưởng GDP của một số nền kinh tế mới nổi (%)

Nước	2008	2009	2010
Các nền kinh tế mới nổi châu Á	6,8	3,3	5,3
trong đó: +Trung Quốc	9,0	6,5	7,5
+ Ấn Độ	7,3	4,5	5,6
+ ASEAN-5	4,9	0,0	2,3
+ 4 NIEs	1,5	-5,6	0,8
Các nền kinh tế mới nổi châu Âu	2,9	-3,7	0,8
Nga	5,6	-6,0	0,5
Brazil	5,1	-1,3	2,2
Mehico	1,3	-3,7	1,0
Các nước công nghiệp phát triển	0,9	-3,8	0,0
Thế giới	3,2	-1,3	1,9

Nguồn: IMF, 4/2009

Năm 2008, tốc độ tăng trưởng GDP của các nền kinh tế mới nổi châu Á³ đạt 6,8%, sau đó giảm còn 3,3% vào năm 2009 và có khả năng phục hồi rất nhanh, đạt 5,3% vào năm 2010. Đây là khu vực có tốc độ tăng trưởng GDP ảnh hưởng lớn nhất đến tốc độ tăng trưởng GDP toàn cầu. Bảng 2 cho thấy, trong khi các nước công nghiệp phát triển đạt tốc độ tăng trưởng âm 3,8% vào năm 2009 và có khả năng chỉ đạt mức tăng trưởng bằng 0 vào năm 2010, thì các nền kinh tế mới nổi đều có mức tăng trưởng cao hơn và dự báo sẽ đạt mức tăng trưởng dương từ 0,8% (châu Âu), 0,5% (Nga), 2,2% (Brazil),

1% (Mehico). Những con số trên cho thấy chỉ có các nền kinh tế mới nổi mới có khả năng giúp kinh tế toàn cầu nhanh chóng hồi phục từ mức tăng trưởng -1,3% năm 2009 lên mức 1,9% vào năm 2010.

Trong số các nền kinh tế mới nổi. Trung Quốc và Ấn Độ là hai nước có những đóng góp rất tích cực trong việc giúp thế giới thoát khỏi khủng hoảng. Đây là hai nước duy nhất trong số 15 nền kinh tế lớn nhất thế giới đạt tốc độ tăng trưởng dương trong năm 2009. Năm 2009, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc là 6,5%, Ấn Độ là 4,5% và dự báo năm 2010 tốc độ tăng trưởng kinh tế của

hai nước này tương ứng là 7,5% và 5,6%. Tốc độ tăng trưởng dương và khá nhanh của hai nền kinh tế trên có ảnh hưởng lớn đến chiều hướng tăng trưởng GDP toàn cầu. Tốc độ tăng trưởng nhanh của hai nền kinh tế mới nổi lớn nhất thế giới trong khi hầu hết các nước khác đều không tránh được khủng hoảng và có tốc độ tăng trưởng âm khiến thế giới ngày càng nói nhiều đến lý thuyết decoupling (thuyết tách biệt). Lý thuyết này cho rằng khi hầu như các nước đều không tránh khỏi những tác động ngắn hạn và dài hạn của khủng hoảng, thì Trung Quốc và Ấn Độ vẫn tiếp tục tăng trưởng nhờ những chính sách mang tính chất “tách biệt chiến lược – strategic decoupling” và “tách biệt chiến thuật – tactical decoupling”, giúp thế giới phục hồi và làm giảm đáng kể vai trò thống trị của Mỹ và các nước phương Tây.

Thứ hai, những chính sách, biện pháp chống khủng hoảng của các nền kinh tế mới nổi cho thấy vai trò ngày càng thu hẹp của IMF, buộc thế giới phải công nhận sức mạnh nội lực của các nền kinh tế này.

Khác với cuộc khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997-1998 khi đó IMF có vai trò là “cứu cánh” đối với nhiều nền kinh tế mới nổi châu Á bị khủng hoảng như Hàn Quốc, Indonesia, Thái Lan..., cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu lần này cho thấy sự bất lực của IMF. Với nguồn góp vốn chủ yếu từ Mỹ, Đức, Nhật Bản, Anh và Pháp, tổng vốn của IMF năm 2008 là hơn 200 tỷ USD. Vào năm 2008, do doanh thu giảm, IMF đã phải quyết định bán một phần vàng dự trữ và tại cuộc họp thượng đỉnh của G20 tổ chức vào tháng 9 năm 2009 IMF đã yêu cầu các

nước thành viên góp thêm vốn để đối phó với cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu và G20⁴ đã đồng ý giúp IMF bổ sung quỹ lên mức 500 tỷ USD⁵.

Như vậy, với tổng quỹ chỉ có hơn 200 tỷ USD vào năm 2008, IMF không đủ khả năng giúp các nước trên thế giới thoát khỏi khủng hoảng. Rút kinh nghiệm từ cuộc khủng hoảng châu Á năm 1997-1998, các nền kinh tế mới nổi đã tự cứu mình bằng những chính sách mở rộng tiền tệ riêng có. Trung Quốc quyết định bơm 600 tỷ USD vào nền kinh tế thông qua các kế hoạch chi tiêu mạnh tay cho cơ sở hạ tầng và xây dựng. Hàn Quốc ban hành kế hoạch giải cứu nền kinh tế trong nước bằng một khoản tài chính khổng lồ trị giá 130 tỷ USD, tương đương với 13% GDP của Hàn Quốc. Tương tự, tại nhiều nước châu Á khác như Cambodia, Thái Lan, Malaysia, Singapore, chính sách nới lỏng tiền tệ cũng được áp dụng triệt để, đặc biệt là các nước này đã giành những khoản tiền lớn để đầu tư cơ sở hạ tầng, kích thích tiêu dùng trong nước, cải thiện các điều kiện chăm sóc sức khỏe, cải cách tiền lương, đầu tư phát triển nông nghiệp nông thôn, tạo việc làm cho người lao động... Ngoài ra, các nước mới nổi đã có những động thái cùng hợp tác để vượt qua khủng hoảng bằng hình thức cho vay lẫn nhau, tránh sự chờ đợi từ phía các thể chế tài chính quốc tế. Trong khi IMF bắt đầu khởi động chương trình cho vay khẩn cấp với số vốn hẹp hơn 200 tỷ USD, thì một số nền kinh tế mới nổi đã trở thành những người “cho vay” của thế giới, chẳng hạn như việc Trung Quốc cho vay khẩn cấp đối với Pakistan hoặc Iceland đàm phán xin

vay tiền của Nga trước khi IMF can thiệp. Điều này cho thấy quyền lực tài chính thế giới đang có sự thay đổi, trong đó các nền kinh tế mới nổi trở thành “cứu cánh” của khủng hoảng.

Thứ ba, một số nền kinh tế mới nổi có dự trữ ngoại tệ rất lớn, cho phép họ giữ giá được đồng tiền nội tệ khi khủng hoảng xảy ra, hạn chế được sự lây lan mức độ sâu của khủng hoảng kinh tế thế giới.

Bảng 3: Dự trữ ngoại tệ và cán cân tài khoản hiện hành của một số nền kinh tế trên thế giới

Nước	Dự trữ ngoại tệ ⁶ (tỷ USD)	Cán cân tài khoản vãng lai (% GDP)		
		2008	2009	2010
1. Trung Quốc	2132 (tính đến 6/2009)	5,5	6,3	5,8
2. Nhật Bản	1019 (tính đến 6/2009)	-	-	-
3. Nga	413 (tính đến 9/2009)	6,1	0,5	1,4
4. Đài Loan	321 (tính đến 4/2009)	6,4	9,7	10,7
5. Ấn Độ	281 (tính đến 9/2009)	-2,8	-2,5	-2,8
6. Hàn Quốc	254 (tính đến 9/2009)	-0,7	2,9	3,0
7. Hồng Kông	233 (tính đến 8/2009)	14,2	7,2	5,2
8. Brazil	225 (tính đến 10/2009)	-1,8	-1,8	-1,8
9. Singapore	166 (tính đến 3/2009)	14,8	13,1	11,2
10. Đức	144 (tính đến 2/2009)	-	-	-

Nguồn: Theo wikipedia và IMF 4/2009

Bảng 3 minh họa rõ 10 nền kinh tế có dự trữ ngoại tệ lớn nhất trên thế giới năm 2009. 10 nền kinh tế này chiếm tới 60% dự trữ ngoại tệ của thế giới, trong đó có tới 8 nền kinh tế thuộc về nhóm các nền kinh tế mới nổi, đó là Trung Quốc, Nga, Đài Loan, Ấn Độ, Hàn Quốc, Hồng Kông, Brazil và Singapore, trong đó có tất cả thành viên của nhóm BRIC. Dự trữ ngoại tệ của BRIC tính đến giữa năm 2009 đạt mức 3.051 tỷ USD, vượt xa mức dự trữ ngoại tệ của G7, trong đó Trung Quốc là nước có dự trữ ngoại tệ lớn nhất là 2132 tỷ USD, chiếm 70% dự trữ ngoại tệ của BRIC, sau đó là Nga. Ngoài ra, các nền kinh tế khác có dự trữ ngoại tệ lớn đều thuộc về các nền kinh tế mới nổi châu Á. Dự trữ ngoại tệ lớn khiến các nền kinh tế

mới nổi giảm bớt được sự lệ thuộc vào đồng đô la Mỹ. Khi khủng hoảng kinh tế thế giới nổ ra, các nền kinh tế mới nổi đã nhanh chóng ổn định được giá đồng nội tệ của mình trong một thời gian ngắn bằng cách tung ngoại hối mua lại đồng nội tệ trôi nổi trên thị trường. Do vậy, cuộc khủng hoảng tài chính thế giới lần này bắt nguồn từ các nước công nghiệp phát triển đã không thể lây lan với mức độ sâu đến các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển. Dự trữ ngoại tệ lớn của nhiều nền kinh tế mới nổi thực sự đã giúp thế giới tránh được một cuộc đại khủng hoảng kinh tế kéo dài nhờ các nền kinh tế mới nổi sử dụng ngoại tệ trong nước để kích cầu kinh tế và duy trì sự ổn định của đồng nội tệ.

Hơn thế nữa, với nguồn dự trữ ngoại tệ khổng lồ, các nền kinh tế mới nổi ngày càng có tiếng nói quan trọng hơn trong các diễn đàn kinh tế thế giới cũng như có những ảnh hưởng lớn hơn đối với các tổ chức tài chính đa phương. Với nguồn dự trữ 3.051 tỷ USD, nhóm BRIC có những đề xuất nhằm tái cấu trúc lại hệ thống tài chính quốc tế sau khủng hoảng. Một phần trong kế hoạch xây dựng lại hệ thống tài chính quốc tế là việc nhóm BRIC sẽ cung cấp nguồn tài chính cho Quỹ Tiền tệ Quốc tế bằng cách mua trái phiếu của IMF để tăng cường ảnh hưởng tại quỹ này. Trong khủng hoảng tài chính thế giới, vai trò cho vay của BRIC trong việc cho các nước thuộc nhóm đang phát triển và mới nổi là rất lớn. Nhờ sự giúp đỡ cho vay của một số nước như Nga, Trung Quốc, nhiều nước đang phát triển và mới nổi đã không phải cầu cứu IMF với gói cứu trợ kèm theo những điều kiện cải cách hà khắc. Ảnh hưởng của nhóm BRIC vì vậy tiếp tục tăng nhanh trên thị trường tài chính tiền tệ thế giới, đặc biệt là tác động mạnh đến tỷ giá của đồng đô la Mỹ.

Cùng với dự trữ ngoại tệ lớn, cán cân tài khoản vãng lai của nhiều nền kinh tế mới nổi luôn đạt mức dương (bảng 3). Điều đó có nghĩa là tài khoản vãng lai ở nhiều nền kinh tế mới nổi luôn ở mức thặng dư, đặc biệt là các nền kinh tế mới nổi châu Á và châu Âu. Các nền kinh tế mới nổi Mỹ Latinh có thâm hụt tài khoản vãng lai, nhưng ở mức độ rất khiêm tốn. Trước khi khủng hoảng tài chính thế giới xảy ra, thặng dư tài khoản vãng lai của một số nền kinh tế mới nổi luôn ở mức trên 5% GDP (thặng dư lạnh mạnh), đặc biệt Trung Quốc năm 2007 đạt thặng dư tài

khoản vãng lai 5,5% GDP, Nga 6,1% GDP, Đài Loan 6,4% GDP, Hồng Kông 14,2% GDP, Singapore 14,8% GDP, Malaysia 15,4% GDP... Mức thặng dư này một phần là do các nước mới nổi châu Á có xu hướng tiết kiệm cao. Khi khủng hoảng xảy ra, cán cân tài khoản vãng lai của nhiều nước bị thâm hụt nặng nề, tuy nhiên cán cân tài khoản vãng lai của một số nền kinh tế mới nổi châu Á kể trên vẫn tiếp tục thặng dư ở mức cao. Năm 2009, thặng dư tài khoản vãng lai của Trung Quốc đạt 6,3% GDP, Nga đạt 0,5% GDP, Đài Loan 9,7% GDP, Hàn Quốc 2,9% GDP, Hồng Kông 7,2% GDP, Singapore 13,1% GDP. Một điều dễ dàng nhận thấy là các nước đạt thặng dư tài khoản vãng lai đều thuộc về châu Á có thu nhập đầu người cao. Thặng dư tài khoản vãng lai ở các nước này hầu hết xuất phát từ tỷ lệ tiết kiệm tăng cao trong dân chúng. Sau cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ châu Á năm 1997-1998, các nước này đã rút ra nhiều kinh nghiệm về việc cân đối giữa tiết kiệm và đầu tư, giữa xuất khẩu và nhập khẩu. Còn một số nước mới nổi khác như Ấn Độ, Việt Nam, Brazil, thâm hụt tài khoản vãng lai vẫn xảy ra bởi đây là những nước có thu nhập đầu người thấp hơn, có trình độ phát triển kinh tế thấp hơn, do vậy vẫn cần đến đầu tư nhiều hơn tiết kiệm, nhập khẩu máy móc thiết bị nhiều hơn xuất khẩu hàng hoá.

Thặng dư tài khoản vãng lai ở nhiều nền kinh tế mới nổi cho thấy khi khủng hoảng tài chính toàn cầu xảy ra, các nước này có đủ điều kiện để ứng phó với khủng hoảng. Thặng dư tài khoản vãng lai giúp các nước này không phải đi vay ở bên ngoài, vì vậy không phải chịu những tổn thất nặng nề từ

khủng hoảng. Nếu tính theo giá trị tuyệt đối, tính đến tháng 6 năm 2009 thặng dư tài khoản vãng lai của Trung Quốc lên tới 368 tỷ USD, đứng hàng đầu thế giới, Nga thặng dư 97,6 tỷ USD, đứng hàng thứ 4, Singapo 28,4 tỷ USD, Malaysia 27,4 tỷ USD, Đài Loan 25 tỷ USD, Hồng Kông 22,4 tỷ USD⁷. Trong khi đó, các nước công nghiệp phát triển lại lâm vào thâm hụt tài khoản vãng lai nặng nề, chẳng hạn Mỹ thâm hụt – 393,2 tỷ USD, khu vực đồng Euro – 133,8 tỷ USD tính đến tháng 4 năm 2009⁸. Tính chung cho cán cân tài khoản vãng lai toàn thế giới, năm 2008 khi khủng hoảng tài chính thế giới nổ ra trên diện rộng, tài khoản vãng lai của các nước công nghiệp phát triển nói chung bị thâm hụt ở mức -465 tỷ USD, trong khi đó tài khoản vãng lai ở các nước đang phát triển và mới nổi thặng dư lớn ở mức 714,4 tỷ USD (các nước đang phát triển mới nổi châu Á và Trung Đông chiếm phần lớn mức thặng dư này). Tính đến tháng 4 năm 2009, thâm hụt tài khoản vãng lai của các nước công nghiệp phát triển là -371,3 tỷ USD, trong khi các nước đang phát triển và mới nổi thặng dư 262,4 tỷ USD. Mặc dù thặng dư tài khoản vãng lai năm 2009 của các nước đang phát triển và mới nổi có giá trị thấp hơn nhiều so với năm 2008 do xuất khẩu bị thu hẹp, nhưng những số liệu trên cho thấy các nước đang phát triển và mới nổi trong hai năm 2008-2009 đã thực sự giúp nền kinh tế thế giới tránh được thâm hụt tài khoản vãng lai nặng nề nhờ bù đắp một phần thâm hụt của các nước công nghiệp phát triển.

Thứ tư, thị trường nội địa rộng lớn khiến các nền kinh tế mới nổi không bị những tác động lâu dài khi thị trường xuất khẩu bị thu

hẹp, từ đó duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế và các chính sách kinh tế khác.

Nhận thức được tiềm năng của thị trường nội địa, các nền kinh tế mới nổi đã tung ra những gói kích cầu nội địa để duy trì sự tăng trưởng và hạn chế những tác động bất lợi khi thị trường xuất khẩu bị thu hẹp trong khủng hoảng. Gói kích cầu kinh tế này đặc biệt được các nước mới nổi châu Á sử dụng rất hiệu quả. Rút kinh nghiệm từ khủng hoảng tài chính tiền tệ châu Á diễn ra cách đây 10 năm một phần là do phụ thuộc quá mức vào xuất khẩu và nguồn vốn nước ngoài, trong cuộc khủng hoảng lần này các nước mới nổi đã coi tiêu dùng nội địa là động lực chính giúp nền kinh tế các nước thoát khỏi khủng hoảng.

Trong số các gói kích cầu trong nước, Trung Quốc là nước chi mạnh tay hơn cả. Với gói kích thích kinh tế trị giá 600 tỷ USD, Trung Quốc kêu gọi các doanh nghiệp hướng vào khai thác thị trường nội địa để làm động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong thời kỳ khủng hoảng. Là một nước có tới 60% kim ngạch xuất khẩu phụ thuộc vào thị trường Mỹ, EU, Nhật Bản, Trung Quốc nhận thức rõ tính nghiêm trọng của khủng hoảng tài chính đang đánh mạnh vào 3 thị trường trọng yếu này. Vì vậy có những giải pháp “cấp cứu” kịp thời cho các doanh nghiệp. Trong cuộc hội thảo thương mại quốc gia tổ chức tại Bắc Kinh, Bộ trưởng Bộ Công thương Trung Quốc cho rằng “Chúng ta (Trung Quốc) phải nỗ lực nhiều hơn trong việc bù lại những thất thoát xuất khẩu từ 3 thị trường lớn bằng cách chú ý khai thác thị trường nội địa và thị trường từ những nước

thứ ba; phải nhanh chóng nhận ra tầm quan trọng của thị trường châu Á, Trung Đông và Nam Mỹ”⁹.

Cùng với Trung Quốc, hàng loạt các nền kinh tế mới nổi khác cũng tận dụng thị trường nội địa để làm giải pháp khắc phục khủng hoảng. Hàn Quốc tung ra gói kích cầu trị giá 130 tỷ USD để giải cứu nền kinh tế, chủ yếu là nhằm đẩy mạnh tiêu dùng nội địa. Singapore đưa ra gói kích cầu kinh tế trị giá 13 tỷ USD, Malaysia có kế hoạch chi tiêu 2,69 tỷ USD, Indonesia đã tán thành gói kích thích kinh tế trị giá 5,15 tỷ USD, Thái Lan chi 5 tỷ USD, Việt Nam tung ra gói kích cầu 6 tỷ USD... Các gói kích cầu của chính phủ các nước châu Á đưa ra trong 2 năm 2008-2009 chủ yếu nhằm vào khai thác thị trường nội địa thông qua kênh đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp, phát triển nông nghiệp nông thôn, đầu tư cho giáo dục và y tế, cải cách hệ thống an sinh xã hội. Cùng với các nền kinh tế mới nổi châu Á, các nền kinh tế mới nổi khác trên thế giới cũng sử dụng gói kích cầu để khai thác thị trường nội địa nhằm khắc phục khủng hoảng. Brazil đưa ra gói cứu trợ trị giá 13 tỷ USD với hy vọng đẩy mạnh kinh tế trong nước phát triển, giảm thiểu tác động của khủng hoảng. Nga tung ra gói kích cầu trị giá 79 tỷ USD để chống suy giảm tăng trưởng kinh tế, bao gồm các khoản hỗ trợ cho các hãng ô tô, lĩnh vực nông nghiệp, xây dựng. Những diễn biến trên cho thấy tình hình tiêu dùng quốc nội ở nhiều nước mới nổi có xu hướng tăng lên trong khủng hoảng. Điều này khiến sản xuất trong nước tiếp tục được duy trì, hạn chế được tình trạng thất

nghiệp, đồng thời kích thích kinh tế tiếp tục tăng trưởng.

b. Giải cứu kinh tế thế giới nhờ vai trò lớn hơn trong các thể chế tài chính quốc tế

Những nỗ lực tập thể của các nền kinh tế mới nổi nhằm khắc phục khủng hoảng tài chính toàn cầu đã thể hiện vai trò ngày càng lớn hơn của nhóm nước này trong nền kinh tế thế giới, đặc biệt là vai trò của các nước mới nổi thuộc khối BRIC và nhóm G20. Những tác động bất lợi kéo dài của cuộc khủng hoảng cho thấy sự bất lực của các tổ chức tài chính quốc tế trong việc giúp đỡ các quốc gia giải quyết khủng hoảng và trong việc vực dậy nền kinh tế toàn cầu. IMF thực sự mất đi tiếng nói quan trọng trong cuộc khủng hoảng hiện nay và cũng không đủ khả năng để hỗ trợ các nước. Ngân hàng Trung ương châu Âu cũng đã nỗ lực hết sức mình để chống lại khủng hoảng bằng các biện pháp hỗ trợ thị trường tiền tệ và cắt giảm lãi suất, nhưng cũng không có đủ khả năng giải quyết khủng hoảng. Trong khi đó, các nền kinh tế mới nổi đã tìm ra được một số giải pháp quan trọng để giúp thế giới khắc phục khủng hoảng. Tại Hội nghị cấp cao Nhóm các nước phát triển và mới nổi - Hội nghị G20¹⁰ tổ chức ở Pittsburgh (Mỹ) trong hai ngày 24 và 25/9/2009, Hội nghị G20 đã đưa ra Tuyên bố chung, trong đó đưa ra hàng loạt các cam kết thúc đẩy kinh tế toàn cầu tăng trưởng bền vững thời kỳ hậu khủng hoảng. Hội nghị đã thông qua hàng loạt các vấn đề cấp bách mang tính toàn cầu như: tiếp tục duy trì các biện pháp kích thích kinh tế, cải cách cơ cấu kinh tế và tăng cường vai trò của nhóm nước mới nổi trong các vấn đề kinh tế

quốc tế, giới hạn mức tiền thưởng của ngành ngân hàng, thúc đẩy vòng đàm phán Doha... Hội nghị cũng công nhận vai trò và những đóng góp ngày càng quan trọng của khu vực châu Á và châu Mỹ Latinh trong việc giải quyết các vấn đề chung toàn cầu, nhất trí chuyển 5% quyền bỏ phiếu trong IMF từ các nước phát triển sang các nền kinh tế mới nổi. Đồng thời, Hội nghị G20 đề nghị cải cách WB vào năm 2010 và cải cách IMF vào tháng 11 năm 2011 để nâng cao tính hiệu lực của hai tổ chức này, tránh để xảy ra một cuộc khủng hoảng tài chính tương tự như năm 2008-2009. Ảnh hưởng ngày càng tăng của các nền kinh tế mới nổi khu vực châu Á và Mỹ Latinh tại Hội nghị G20 vừa qua cho thấy các nền kinh tế mới nổi ngày càng có những ảnh hưởng và vai trò lớn hơn trong việc giải quyết khủng hoảng và thúc đẩy kinh tế toàn cầu phát triển.

Cùng với vai trò ngày càng tăng của nhóm nước đang phát triển G20 trong các diễn đàn và tổ chức kinh tế quốc tế, nhóm BRIC cũng thể hiện tiếng nói quan trọng của mình trong công cuộc chống khủng hoảng tài chính toàn cầu. Nhóm nước này đã kêu gọi thế giới phải có những nỗ lực tập thể để khắc phục khủng hoảng tài chính toàn cầu. Tại Hội nghị thượng đỉnh lần thứ nhất của BRIC (16/6/2009), Nga và Brazil tuyên bố xem xét việc mua 10 tỷ USD trái phiếu của IMF, đồng thời bán trái phiếu của Mỹ. Ấn Độ cam kết sẽ mua một lượng trái phiếu của IMF tương đương với con số mà Nga và Brazil đã bỏ ra. Trung Quốc cũng xem xét đến việc mua ít nhất 50 tỷ USD trái phiếu của IMF. Nga, Trung Quốc và Brazil cùng triển khai kế hoạch đa dạng hoá các khoản dự trữ ngoại

tệ của mình. Điều này tác động mạnh đến IMF và nhiều tổ chức kinh tế quốc tế khác. Là những nước có dự trữ ngoại tệ lớn trên thế giới, nhóm BRIC đang tạo ra một ảnh hưởng nhất định tới nền kinh tế toàn cầu.

Ngay sau cuộc họp của BRIC, Hội nghị thượng đỉnh của Tổ chức hợp tác Thượng Hải (SCO) - gồm 6 nước Trung Quốc, Kyrgystan, Kazakstan, Nga, Tajikistan và Uzbekistan - đã được tổ chức tại Nga. Đây là diễn đàn để Nga và Trung Quốc thể hiện vai trò của mình trong hệ thống chính trị thế giới. SCO tập trung thảo luận về việc hợp tác của các nước trên để đối phó với cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, chủ nghĩa khủng bố, chống buôn bán ma tuý và tội phạm xuyên quốc gia.

Tại diễn đàn của Liên hợp quốc bàn về khủng hoảng tài chính và kinh tế thế giới tổ chức tại Mỹ tháng 6 năm 2009, nhóm BRIC đã có những quan điểm riêng về giải pháp chống khủng hoảng. Brazil cho rằng diễn đàn của Liên hợp quốc nhằm đối phó với khủng hoảng lần này là một cơ hội lịch sử để tái cấu trúc các tổ chức tài chính, tạo điều kiện cho các nước thành viên Liên hợp quốc gần nhau hơn để cùng cải cách hệ thống quản trị kinh tế toàn cầu. Phía Ấn Độ cho rằng để đối phó với khủng hoảng tài chính toàn cầu, cần thiết phải cải cách hệ thống quản trị kinh tế toàn cầu cả trong giai đoạn ngắn hạn và dài hạn, trong đó bao gồm cả cải cách Liên hợp quốc và hệ thống Bretton Woods - nền tảng cho sự ra đời IMF và WB. Bộ trưởng Ngoại giao Ấn Độ phát biểu "các nước đang phát triển không phải là khu vực gây ra khủng hoảng, nhưng lại chịu tác động

nặng nề của khủng hoảng. Xuất khẩu của họ bị ảnh hưởng nặng nề và họ đang phải chịu sự ra đi của các dòng vốn đầu tư quốc tế"¹. Vì vậy, Ấn Độ yêu cầu các nước công nghiệp phát triển cần đưa ra những cam kết cụ thể giúp thế giới vượt qua khủng hoảng. Nga có quan điểm rõ ràng hơn về vai trò của Liên hợp quốc và các nước đang phát triển. Tại Hội nghị lần này, Nga cho rằng Liên hợp quốc có những nỗ lực quan trọng trong việc kêu gọi các nước trên thế giới hướng vào hành động tập thể để đối phó với khủng hoảng. Nga cũng nhấn mạnh vai trò của các nước đang phát triển trong việc giúp thế giới khắc phục khủng hoảng, đồng thời khẳng định vai trò của các nhà tài trợ mới (bao gồm cả Nga và Trung Quốc) trong việc cung cấp tài chính cho các nước cần trợ giúp chống khủng hoảng và yêu cầu các tổ chức tài chính thế giới như IMF và WB phải nhanh chóng cải cách và tái cấu trúc nhằm thích nghi với tình hình mới. Phía Trung Quốc đưa ra 4 đề xuất cùng thảo luận tại Liên hợp quốc để chống khủng hoảng, bao gồm: +) Phối hợp các chính sách kinh tế vĩ mô để chống khủng hoảng; +) Thúc đẩy sự tăng trưởng của thương mại quốc tế bằng cách phải mở cửa thị trường rộng hơn nữa cho hàng hoá các nước đang phát triển; +) Tăng cường hợp tác phát triển quốc tế, yêu cầu các nước công nghiệp phát triển phải cam kết chi 0,7% GNP để viện trợ cho các nước đang phát triển, giảm và xoá nợ cho các nước nghèo; +) Tăng cường hợp tác Nam – Nam, coi đây là giải pháp quan trọng để nâng cao ảnh hưởng của nhóm nước đang phát triển trước những vấn đề cấp bách của thế giới.

Như vậy, so với các nền kinh tế công nghiệp phát triển, các nền kinh tế mới nổi tuy có bị tác động mạnh của khủng hoảng tài chính toàn cầu nhưng vẫn có khả năng phục hồi nhanh hơn cả, giúp thế giới chóng lấy lại sự cân bằng sau khủng hoảng. Những gì mà các nền kinh tế mới nổi đã và đang hành động nhằm chống khủng hoảng cho thấy vai trò và tiếng nói ngày càng tăng của nhóm nước này trên chính trường quốc tế. Sức mạnh và khả năng hồi phục sau khủng hoảng của các nền kinh tế mới nổi khiến nhiều nhà nghiên cứu dự đoán về việc hình thành một trật tự kinh tế quốc tế mới, trong đó có vai trò quan trọng của Trung Quốc, Nga, Brazil và Ấn Độ. Cho đến nay, khủng hoảng tài chính thế giới đã qua giai đoạn nguy khốn nhất và kinh tế thế giới đã bắt đầu hồi phục. Đó là nhờ có sự đóng góp rất tích cực của các nền kinh tế mới nổi nhằm giải cứu thế giới thoát khỏi khủng hoảng kinh tế lâu dài.

Chú thích:

¹ Theo Tuoitre Online, thứ hai, 28/9/2009.

² Theo IMF 4/2009

³ Các nền kinh tế mới nổi châu Á bao gồm Trung Quốc, Ấn Độ, 4 NIEs, ASEAN.

⁴ G20 bao gồm nhóm các nước đang phát triển, được thành lập vào ngày 20/8/2003. G20 bao gồm các nước: Argentina, Bolivia, Brazil, Chile, Trung Quốc, Cuba, Ai Cập, Guatemala, Ấn Độ, Indonêsi-a, Mexico, Nigeria, Pakistan, Paraguay, Peru, Philippines, Nam Phi, Tanzania, Thái Lan, Uruguay. Đứng đầu và dẫn dắt G20 là Brazil, Trung Quốc, Ấn Độ và Nam Phi.

⁵ Theo wikipedia, IMF.

⁶ Dự trữ ngoại tệ được xếp theo thứ hạng từ cao đến thấp

⁷ Theo CIA world Factbook 2009.

⁸ Theo IMF 4/2009

⁹ Theo Asia Times, China Digital Times, 12/11/2008.

¹⁰ Hội nghị G20 là diễn đàn của Bộ trưởng tài chính và thống đốc ngân hàng trung ương của 19 nền kinh tế và EU, gồm Anh, Argentina, Australia, Arập Xêút, Ấn độ, Brazil, Canada, Đức, Hàn Quốc, Indonesia, Italia, Mexico, Mỹ, Nhật, Nga, Nam Phi, Pháp, Thổ Nhĩ Kỳ, Trung Quốc và EU. Cùng với đó là nhóm tổ chức kinh tế quốc tế gồm WB và IMF.

¹¹ Theo People Daily Online, 27/6/2009

Tài liệu tham khảo

1. Trần Thị Lan Hương, *Cách mạng Xanh châu Phi và những vấn đề đặt ra trong phát triển nông nghiệp ở châu Phi*, Tạp chí Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông, số 8 năm 2008.

2. Trần Thị Lan Hương, *Điều kiện tự nhiên và thực trạng phát triển nông nghiệp hiện nay ở châu Phi*, Tạp chí Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông, số 1 năm 2009.

3. Alexander Sarris, *Outlook, Opportunities and Constraints for African Agricultural Markets and Trade*, FAO, 12-13/11/2007.

4. Christopher L. Delgado, *Africa's Changing Agricultural Development Strategies: Past and Present Papadigms as a Guide to the Future*, International Food Policy Research Institute (IFPRI). Discussion Paper 3, 2006.

5. Lidia Cabral and Ian Scoones, *Narratives of Agricultural Policy in Africa: What Role for*

Ministries of Agriculture? Future Agricultures Consortium Workshop, 3/2006.

6. NEPAD, *Comprehensive Africa Agriculture Development Programme*, July 2003

7. Steven Haggblade, *Building on Successes in African Agriculture*, International Food Policy Research Institute (IFPRI), Focus 12, Brief 1 of 10, 4/2004.

8. Economic Commission for Africa, *Toward a Green Revolution in Africa: Harnessing Science and Technology for Sustainable Modernisation of Agriculture and Rural Transformation (SMART/AGRI)*, June 2003.

9. Hans Holmen, *Why no Green Revolution in Africa?*, Current Issue in International Rural Development, African Agriculture Today, 8/2004.

10. Keijiro Otsuka, *A Summary of the Workshop on Green Revolution in Asia and its Transferability to Africa*, International Development Research Institute.

11. The Rockefeller Foundation, *Africa's Turn a New Green Revolution for the 21st Century*, July 2006.

12. Định, Đỗ Đức (chủ biên), 2006, "Tình hình chính trị - kinh tế cơ bản của châu Phi", NXB KHXH.

13. Định, Đỗ Đức (chủ biên), 2008. "Nam Phi – Con đường tiến tới dân chủ, công bằng và thịnh vượng", NXB KHXH.

14. Định, Đỗ Đức, Quan hệ hợp tác Việt Nam – châu Phi, T/c Cộng sản, số 82 năm 2005.

15. Các trang web: www.en.wikipedia,